



TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VSCB
32 Tân Đà - Tp. Buôn Ma Thuột - Dak Lak - Việt Nam
Tel: (+84) 262 3 967788; Fax: (+84) 262 3 967788
Email: vscb@vscb.org; Website: www.vscb.org




QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/IEC 17021-3:2017; ISO/TS 22003:2013

Mã số: QĐTP-HT

Ngày ban hành: 05/05/2020

Người soạn thảo	Người xem xét	Người phê duyệt
Trần Thị Thu Nghĩa	Nguyễn Thành Lợi	Bạch Thanh Tuấn

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 1/15

TÌNH TRẠNG SỬA ĐỔI/BỔ SUNG

Stt	Lần sửa	Trang sửa	Mô tả nội dung sửa đổi	Ngày sửa đổi	Ngày hiệu lực
1.	01	Bìa	Sửa nội dung - Nội dung cũ: CÔNG TY TNHH VSCB 32 Tầng Đà - Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Dak Lak - Việt Nam Tel: (+84) 500 3 967788; Fax: (+84) 500 3 967788 Email: vscb@vscb.org ; Website: www.vscb.org ----- - Nội dung mới: TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VSCB 32 Tầng Đà - Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Dak Lak - Việt Nam Tel: (+84) 500 3 967788; Fax: (+84) 500 3 967788 Email: vscb@vscb.org ; Website: www.vscb.org -----	01/08/2014	01/08/2014
2.	02	07	Bỏ nội dung mục 6.2 “Tổ chức có nhiều địa điểm có chung lĩnh vực chứng nhận cần đánh giá”	30/08/2014	30/08/2014
3.	03	Bìa	Trang bìa: bổ sung ISO/IEC 17021-3:2013; ISO/TS 22003:2007 Thay đổi nội dung: Nội dung cũ “Quy định tính phí chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng”; Nội dung mới “Quy định tính phí đánh giá cấp chứng nhận và xác định ngày công đánh giá Hệ thống Quản lý”	30/01/2015	30/01/2015
4.	03	02	Mục 2: Tài liệu viện dẫn Bổ sung: Tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-3:2013; Tiêu chuẩn ISO/TS 22003:2007; IAF MD 11:2013. Tài liệu bắt buộc IAF để áp dụng ISO/IEC 17021 cho đánh giá hệ thống quản lý tích hợp.	30/01/2015	30/01/2015
5.	03	07-10	Mục 5 Bổ sung nội dung: Mục 5.2 Phí đánh giá chứng nhận, ngày công đánh giá Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm (ISO 22000) Mục 5.3 Phí đánh giá chứng nhận, ngày công đánh giá đối với Hệ thống Quản lý tích hợp ISO 9001 (QMS) và ISO 22000 (FSMS)	30/01/2015	30/01/2015
6.	03	11	Bổ sung nội dung: Mục 6 Nguyên tắc làm tròn ngày công đánh giá	30/01/2015	30/01/2015
7.	04	Bìa; 3	Trang bìa, mục 2, mục 3: Thay ISO/IEC 17021:2011; ISO/TS 22003:2007 thành ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/TS 22003:2013	20/04/2016	20/04/2016
8.	04	3	Sửa đổi nội dung mục 2: - Nội dung cũ : IAF MD 5: 2013. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc cho thời gian đánh giá của Hệ thống quản lý chất lượng; - Nội dung mới : IAF MD 5: 2015. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc cho việc Xác định thời gian đánh giá của Hệ thống quản lý chất lượng & môi trường;	20/04/2016	20/04/2016
9.	04	6	Bổ sung nội dung mục 5.1.6: - Các hoạt động đòi hỏi viếng thăm các địa điểm tạm thời để xác nhận các hoạt động của các địa điểm lâu dài mà hệ thống quản lý phải được chứng nhận;	20/04/2016	20/04/2016



**QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH
NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ**

Mã số: QĐTP-HT

Ngày: 05/05/2020

Trang: 2/15

Stt	Lần sửa	Trang sửa	Mô tả nội dung sửa đổi	Ngày sửa đổi	Ngày hiệu lực
			- Các chức năng hoặc quá trình thuê ngoài; - Các hoạt động được xem xét ở mức độ rủi ro cao (xem tại Phụ lục A, Bảng QMS 2 - IAF MD 5:2015, Issue 3).		
10.	04	6-7	Bổ sung nội dung mục 5.1.7: - Khoản 2: đơn giản giống nhau, các quá trình liên quan đến các hoạt động giống nhau hoặc lặp đi lặp lại - Khoản 3: (các hoạt động có mức độ rủi ro thấp, xem tại Phụ lục A, Bảng QMS 2 - IAF MD 5:2015, Issue 3) - Khoản 10, 11: - Mức độ tự động hóa cao có thể giảm đi 10%.; - Trường hợp nhân viên gồm số lượng người làm việc “không tại văn phòng: như nhân viên bán hàng, lái xe, nhân viên dịch vụ,... có thể giảm đi 10%.	20/04/2016	20/04/2016
11.	04	7	Bổ sung nội dung mục 5.1.8: Sau khi xác định số địa điểm đánh giá, thời gian đánh giá được tính bằng tổng số ngày công đánh giá của tất cả các địa điểm đã được xác định. Phương pháp, cách thực xác định địa điểm đánh giá được quy định tại “Quy định lấy mẫu và đánh giá tổ chức có nhiều địa điểm – QĐLM-HT” Tài liệu viện dẫn “QUY ĐỊNH LẤY MẪU & ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC CÓ NHIỀU ĐỊA ĐIỂM (QĐLM-HT)”	20/04/2016	20/04/2016
12.	04	9	Bổ sung nội dung mục 5.2.2: tối thiểu 1 ngày đánh giá (0,5 ngày đánh giá cho Loại hình A và B)	20/04/2016	20/04/2016
13.	04	10	Bổ sung nội dung mục 5.2.3: Mã ngành thực phẩm tương ứng được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục A, Bảng A.1, ISO/TS 22003, cụ thể như sau: Bảng A.1: Loại hình Chuỗi thực phẩm	20/04/2016	20/04/2016
14.	05	Bìa	Chỉnh sửa nội dung trang bìa: Nội dung cũ: TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VSCB VIỆT NAM 32 Tân Đà - Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Dak Lak - Việt Nam Tel: (+84) 500 3 967788; Fax: (+84) 500 3 967788 Email: vscb@vscb.org ; Website: www.vscb.org ----- Nội dung mới: TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VSCB 32 Tân Đà - Tp. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Dak Lak - Việt Nam Tel: (+84) 262 3 967788; Fax: (+84) 262 3 967788 Email: vscb@vscb.org ; Website: www.vscb.org -----	05/09/2017	05/09/2017
15.	05	Toàn bộ	Mục 1, 2, 3, 4 : Thay Tổ chức chứng nhận VSCB Việt Nam thành Tổ chức chứng nhận VSCB ; VSCB Việt Nam thành VSCB	05/09/2017	05/09/2017
16.	06	Bìa, 4	Thay ISO/IEC 17021-3:2013 thành ISO/IEC 17021-3:2017	01/08/2018	01/08/2018
17.	06	4	Mục 2, thay đổi nội dung: “IAF MD 1:2007. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc cho chứng nhận nhiều địa điểm dựa trên việc lấy mẫu” thành “IAF MD 1:2018. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc đối với đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý được điều hành bởi một tổ chức có nhiều địa điểm (IAF	01/08/2018	01/08/2018




QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH
NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mã số: QĐTP-HT

Ngày: 05/05/2020

Trang: 3/15

Stt	Lần sửa	Trang sửa	Mô tả nội dung sửa đổi	Ngày sửa đổi	Ngày hiệu lực
			<i>Mandatory Document for the Audit and Certification of a Management System Operated by a Multi-Site Organization, Issue 2, 29 January 2018</i>		
18.	06	15	Bổ sung nội dung: Tài liệu viện dẫn “QUY ĐỊNH LẤY MẪU & ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC CÓ NHIỀU ĐỊA ĐIỂM (QĐLM-HT)”	01/08/2018	01/08/2018
19.	07	Toàn bộ	Cập nhật IAF MD 5:2019 Tài liệu của IAF có tính bắt buộc cho việc Xác định thời gian đánh giá của Hệ thống quản lý chất lượng, môi trường & an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;	15/04/2020	05/05/2020
20.	07	6	Mục 5.1.2 thay đổi nội dung “Số nhân viên nêu trong bảng trên bao gồm tất cả nhân viên làm việc trong phạm vi chứng nhận và sẽ có mặt tại thời điểm đánh giá, kể cả nhân viên thời vụ, tạm thời hoặc hợp đồng.” thành “Số nhân viên nêu trong bảng trên bao gồm tất cả nhân viên (dài hạn, tạm thời, và bán thời gian) liên quan đến phạm vi chứng nhận gồm cả những người làm theo ca. Khi thuộc phạm vi chứng nhận, cả nhân viên không dài hạn (vd. Nhà thầu) cũng phải đưa vào.”	15/04/2020	05/05/2020
21.	07	6-7	Mục 5.1.3: chỉnh sửa lại toàn bộ nội dung	15/04/2020	05/05/2020
22.	07	7	Mục 5.1.8: đổi tên tiêu đề thành “Thời gian đánh giá một hệ thống quản lý (QMS) có nhiều địa điểm” Bổ sung nội dung: Trong trường hợp một hệ thống quản lý chất lượng được vận hành trên nhiều địa điểm, VSCB sẽ xem xét và xác định việc lấy mẫu các địa điểm. Xóa bỏ nội dung: Số ngày công cần được đánh giá chứng nhận, đánh giá giám sát phải tính bằng ½ tổng số số lượng ngày công đánh giá chứng nhận và đánh giá giám sát (tổng số ngày công đánh giá chứng nhận và đánh giá giám sát được tính tổng số ngày công ở tất cả địa điểm cộng lại).		
23.					
24.					
25.					

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 4/15

1. MỤC ĐÍCH, PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy định cách thức, cơ cấu tính phí chứng nhận Hệ thống quản lý của VSCB đối với các Tổ chức/Công ty được VSCB chứng nhận. Xác định nguyên tắc tính ngày công trong các hoạt động chuẩn bị đánh giá, đánh giá, báo cáo, xem xét hồ sơ và làm thủ tục cấp chứng nhận làm cơ sở thương thảo hợp đồng cũng như cân nhắc bố trí chuyên gia trong đánh giá chứng nhận.


2. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015;
- Tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-3:2017;
- Tiêu chuẩn ISO/TS 22003:2013;
- Quy định về hoạt động đánh giá chứng nhận của VSCB;
- Quy trình Tiếp nhận và xem xét hợp đồng;
- Quy trình đánh giá Hệ thống quản lý;
- IAF MD 5:2019. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc cho việc Xác định thời gian đánh giá của Hệ thống quản lý chất lượng, môi trường & an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- IAF MD 1:2018. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc đối với đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý được điều hành bởi một tổ chức có nhiều địa điểm (IAF Mandatory Document for the Audit and Certification of a Management System Operated by a Multi-Site Organization, Issue 2, 29 January 2018);
- IAF MD 11:2013. Tài liệu của IAF có tính bắt buộc để áp dụng ISO/IEC 17021 cho đánh giá hệ thống quản lý tích hợp;

3. THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA

- Sử dụng các từ viết tắt trong Sổ tay chứng nhận;
- VSCB : Tổ chức Chứng nhận VSCB;
- Tổ chức/Công ty : Tổ chức đã đăng ký chứng nhận với VSCB và đang trong quá trình đánh giá;
- Tổ chức đăng ký chứng nhận : Tổ chức có nhu cầu đăng ký chứng nhận với VSCB hoặc đã đăng ký chứng nhận nhưng chưa được đánh giá;
- Tổ chức được chứng nhận : Tổ chức đã được VSCB chứng nhận;
- Phí đánh giá chứng nhận (bao gồm cả đánh giá tài liệu): Được tính trên cơ sở ngày công xem xét hồ sơ, ngày công đánh giá tại thực địa và chi phí đi lại, ăn nghỉ của đoàn đánh giá;
- Phí đánh giá hàng năm: Được tính trên cơ sở ngày công đánh giá duy trì hiệu lực giấy chứng nhận;
- Phí cấp chứng chỉ: phí cấp chứng chỉ lần đầu và các lần gia hạn.
- Các định nghĩa khác theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO/IEC 17021-1:2015 và ISO 19011:2018.

4. TRÁCH NHIỆM

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 5/15

4.1 Trách nhiệm tính phí

- Phòng khách hàng và chuyên gia của VSCB căn cứ thông tin trong Đơn đăng ký chứng nhận của Tổ chức/Công ty đã được thẩm xét để xác định ngày công và lập Bảng báo giá.
- Phí đánh giá chứng nhận được xác định dựa theo số ngày công của chuyên gia đánh giá và các chi phí khác.
- Dựa trên việc xác định phí đánh giá, Phòng khách hàng phối hợp với Phòng chứng nhận để xuất báo giá theo biểu mẫu chuyển cho Giám đốc phê duyệt và gửi báo giá cho Tổ chức/Công ty.

4.2 Thoả thuận phí đánh giá với Tổ chức/Công ty

- Sau khi nhận báo giá, Tổ chức/Công ty có ý kiến phản hồi gửi về Phòng khách hàng: Nếu Tổ chức/Công ty đồng ý, công việc được tiến hành. Nếu Tổ chức/Công ty không chấp nhận mức phí do VSCB đưa ra thì mức phí được thống nhất thông qua việc đàm phán giữa Tổ chức/Công ty và VSCB (lãnh đạo Phòng Chứng nhận thay mặt Giám đốc đàm phán với khách hàng theo từng trường hợp cụ thể).
- Nếu cuộc đàm phán giữa Tổ chức/Công ty và VSCB không thành công, thì hồ sơ đăng ký chứng nhận không được chấp nhận và kết thúc.

5. NỘI DUNG

5.1 Phí đánh giá chứng nhận, ngày công đánh giá Hệ thống Quản lý Chất lượng (ISO 9001)

5.1.1 Phí đánh giá, chứng nhận

Công thức tính $P = A \times M + B + C + D + E$

Trong đó:


- P : Là phí đánh giá chứng nhận
- A : Là số ngày công đánh giá
- M : Là đơn giá ngày công
- B : Là phí cấp chứng chỉ
- C : Là chi phí thuê xe đi lại và chi phí lưu trú, tính theo giá thực tế tại thời điểm đánh giá
- D : Là phí tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký
- E : Là phí quản lý 1 chu kỳ chứng nhận

5.1.2 Nguyên tắc xác định ngày công đánh giá

Về cơ bản, số công đánh giá cho các cuộc đánh giá hệ thống được cân nhắc theo:

- Thời gian chuẩn bị đánh giá, đánh giá tài liệu, đánh giá tại cơ sở.
- Thời gian để đánh giá các yếu tố về công nghệ và sản xuất sản phẩm.
- Thời gian chuẩn bị và họp khai mạc, viết báo cáo đánh giá và họp kết thúc.

Mặt khác, số công đánh giá sẽ được cân nhắc theo số lượng cán bộ nhân viên của Tổ chức và có thể dựa theo Bảng 1 tham khảo dưới đây:

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 6/15

Bảng 1: Mối quan hệ giữa số lượng số lượng nhân viên hiệu quả và thời gian đánh giá


Số lượng nhân viên hiệu quả (người)	Thời gian đánh giá GD 1 + GD 2 (ngày)	Số lượng nhân viên hiệu quả (người)	Thời gian đánh giá GD 1 + GD 2 (ngày)
1 – 5	1.5	625 – 875	12
6 – 10	2	876 – 1175	13
11 – 15	2.5	1176 – 1550	14
16 – 25	3	1551 – 2025	15
26 – 45	4	2026 – 2675	16
46 – 65	5	2676 – 3450	17
66 – 85	6	3451 – 4350	18
86 – 125	7	4351 – 5450	19
126 – 175	8	5451 – 6800	20
176 – 275	9	6801 – 8500	21
276 – 425	10	8501 – 10700	22
426 – 625	11	>10700	Theo lũy tiến trên

Chú thích:

- Số nhân viên nêu trong bảng trên bao gồm tất cả nhân viên (dài hạn, tạm thời, và bán thời gian) liên quan đến phạm vi chứng nhận gồm cả những người làm theo ca. Khi thuộc phạm vi chứng nhận, cả nhân viên không dài hạn (vd. Nhà thầu) cũng phải đưa vào. Riêng số nhân viên làm theo giờ sẽ được quy đổi về nhân viên chính thức dựa trên tỉ lệ giữa số giờ làm việc với 8 giờ tiêu chuẩn.
- Số giờ làm việc được tính cho 1 công là khoảng 7-8 tiếng, tính là 1/2 công nếu 3-4 tiếng, dưới 3 tiếng thì bỏ qua. Khi làm kế hoạch/chương trình đánh giá, số công đánh giá không được giảm đi bằng cách tăng số giờ làm việc trong ngày.

5.1.3 Số công (thời gian đánh giá):

- Thời gian đánh giá đối với tất cả các loại hình đánh giá bao gồm tổng thời gian đánh giá tại chỗ (on-site) tại địa điểm của 1 khách hàng và thời gian dành cho đánh giá ngoài địa điểm của khách hàng (off-site) thực hiện lập kế hoạch, xem xét tài liệu, tương tác với nhân viên của khách hàng và viết báo cáo.
- Thời lượng đánh giá hệ thống quản lý không ít hơn 80% toàn bộ thời gian đánh giá được tính cho mỗi cuộc đánh giá. Điều này áp dụng cho đánh giá ban đầu, đánh giá giám sát và đánh giá chứng nhận lại.
- Việc di chuyển (theo lộ trình hoặc di chuyển giữa các điểm) và thời gian nghỉ đều không được tính vào thời lượng đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý (on-site) tại hiện trường.

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 7/15

5.1.4 Đối với chu kỳ chứng nhận đầu tiên:

- Thời lượng đánh giá giám sát hàng năm bằng khoảng 1/3 thời lượng đánh giá chứng nhận ban đầu (giai đoạn 1 + giai đoạn 2). Thời lượng, chương trình và khoảng thời gian giữa các cuộc đánh giá giám sát có thể được xem xét lại tùy theo tình hình cụ thể của hệ thống và chương trình đánh giá nội bộ của khách hàng, đặc biệt là sau khi được đánh giá chứng nhận lại.

5.1.5 Thời lượng đánh giá chứng nhận lại:

- Bằng khoảng 2/3 thời lượng cần thiết để đánh giá chứng nhận ban đầu (giai đoạn 1 + giai đoạn 2) cho cùng một tổ chức.


5.1.6 Các trường hợp tăng thời lượng đánh giá:

Tùy từng trường hợp cụ thể, thời lượng của cuộc đánh giá có thể tăng lên một cách thích hợp, căn cứ vào những điều kiện sau:

- Hậu cần phức tạp liên quan đến nhiều hơn một tòa nhà hoặc một địa điểm nơi mà các công việc được triển khai, ví dụ, một trung tâm thiết kế tách biệt phải được đánh giá;
- Nhân viên nói bằng nhiều ngôn ngữ (cần phiên dịch hoặc các chuyên gia khó làm việc độc lập);
- Địa bàn rất rộng so với số nhân viên;
- Có yêu cầu cao của pháp luật (thực phẩm, dược phẩm, ...);
- Hệ thống bao gồm nhiều quá trình rất phức tạp hoặc bao gồm số lượng tương đối lớn các quá trình riêng biệt, có đặc thù riêng;
- Các quá trình là kết hợp phần cứng, phần mềm, quá trình và dịch vụ;
- Các hoạt động đòi hỏi viếng thăm các địa điểm thậm chí để xác nhận các hoạt động của các địa điểm lâu dài mà hệ thống quản lý phải được chứng nhận;
- Các chức năng hoặc quá trình thuê ngoài;
- Các hoạt động được xem xét ở mức độ rủi ro cao (xem tại Phụ lục A, Bảng QMS 2 - IAF MD 5:2019, Issue 4, Version 2).

5.1.7 Các trường hợp giảm thời lượng đánh giá:

- Nếu Tổ chức không áp dụng việc kiểm soát thiết kế và/hoặc những điều khác của tiêu chuẩn thì giảm đi khoảng 20%;
- Nếu Tổ chức có hầu hết cán bộ nhân viên (từ trên 60%) cùng thực hiện một quá trình sản xuất đơn giản giống nhau, các quá trình liên quan đến các hoạt động giống nhau hoặc lặp đi lặp lại thì giảm đi khoảng 10%;
- Nếu quy trình công nghệ được xem là rất đơn giản, có thể giảm đi khoảng 10%;
- Sản phẩm/quá trình không có hoặc có nguy cơ bị biến động, hoặc nguy cơ bị nguy hại thấp (các hoạt động có mức độ rủi ro thấp, xem tại Phụ lục A, Bảng QMS 2 - IAF MD 5:2019, Issue 4, Version 2) thì có thể giảm đi khoảng 10%;
- Tổ chức đã có sẵn kiến thức về hệ thống (chẳng hạn: đã được VSCB chứng nhận

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 8/15

phù hợp theo một tiêu chuẩn khác) thì có thể giảm đi khoảng 20%;

- Địa bàn rất nhỏ đối với số lượng nhân sự (ví dụ: chỉ gồm khu văn phòng) thì có thể giảm đi khoảng 10%;
- Đã sẵn sàng cho việc chứng nhận (ví dụ: đã được chứng nhận hoặc thừa nhận bởi một chương trình của một bên thứ ba) thì có thể giảm đi khoảng 20%;
- Các quá trình liên quan đến một hoạt động chung đơn giản, giống nhau hoặc lặp đi lặp lại (ví dụ: chỉ có dịch vụ) thì có thể giảm đi khoảng 10%;
- Mức hoàn thiện của hệ thống quản lý đã được ghi nhận (ví dụ đã xây dựng và tuân theo một mô hình quản lý nào đó và đã được ghi nhận) thì có thể giảm đi khoảng 10%.
- Mức độ tự động hóa cao có thể giảm đi 10%.
- Trường hợp nhân viên gồm số lượng người làm việc “không tại văn phòng: như nhân viên bán hàng, lái xe, nhân viên dịch vụ, ...” có thể giảm đi 10%.
- Tuy nhiên thời lượng của cuộc đánh giá không được giảm quá 30%.


5.1.8 Thời gian đánh giá một hệ thống quản lý (QMS) có nhiều địa điểm

- Trong trường hợp một hệ thống quản lý chất lượng được vận hành trên nhiều địa điểm, VSCB sẽ xem xét và xác định việc lấy mẫu các địa điểm.
- Sau khi xác định số địa điểm đánh giá, thời gian đánh giá được tính bằng tổng số ngày công đánh giá của tất cả các địa điểm đã được xác định. Phương pháp, cách thực xác định địa điểm đánh giá được quy định tại “Quy định lấy mẫu và đánh giá tổ chức có nhiều địa điểm – QĐLM-HT”

Tài liệu viện dẫn “QUY ĐỊNH LẤY MẪU & ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC CÓ NHIỀU ĐỊA ĐIỂM (QĐLM-HT)”

5.1.9 Số công đánh giá chứng nhận mở rộng tại cơ sở

- Nếu chỉ thêm dây chuyền hoặc địa điểm sản xuất mà không thay đổi lĩnh vực hoạt động, cần tối thiểu 01 ngày công hoặc theo số ngày công chênh lệch do số nhân viên gia tăng so với nhân viên cũ;
- Nếu quá trình tạo sản phẩm là mới hoàn toàn so với lĩnh vực đã chứng nhận, thì được tính bằng 50% số công đánh giá chứng nhận ban đầu cho riêng khu vực mở rộng.
- Số công đánh giá tại cơ sở của cuộc đánh giá chứng nhận chuyển đổi sang phiên bản mới là: Nếu Tổ chức có yêu cầu hoàn tất toàn bộ cuộc đánh giá chuyển đổi trong một lần mà không kết hợp cùng đánh giá giám sát, thì thời lượng của cuộc đánh giá chuyển đổi sẽ bằng số ngày công đánh giá chứng nhận lại tại cơ sở tính như đánh giá ban đầu;
 - + Nếu Tổ chức có yêu cầu hoàn tất toàn bộ cuộc đánh giá chuyển đổi trong một lần có kết hợp với đánh giá giám sát, khi đó số ngày công cho đánh giá chuyển đổi ở trên sẽ được giảm đi bằng chính thời lượng của cuộc đánh giá giám sát, nhưng không ít hơn 01 ngày công;
 - + Nếu Tổ chức có yêu cầu đánh giá chuyển đổi dần thông qua các cuộc đánh giá giám sát mà không thay đổi phạm vi chứng nhận, khi đó không cần phải thêm thời gian

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 9/15

đánh giá chuyển đổi. Các yêu cầu mới của tiêu chuẩn hoặc có sự mở rộng thêm các điều khoản so với tiêu chuẩn cũ, khi đó cần tối thiểu 01 ngày công để đánh giá.

5.1.10 Tổ chức có nhiều địa điểm với lĩnh vực chứng nhận khác nhau

Số lượng ngày công đánh giá chứng nhận và đánh giá giám sát của từng địa điểm được tính dựa trên số nhân viên của địa điểm đó.

5.1.11 Khoảng thời gian giữa các lần đánh giá giám sát định kỳ

Do VSCB quyết định sau khi có sự thỏa thuận với Tổ chức/Công ty. Tuy nhiên, các trường hợp sau được ưu tiên, cụ thể là:

- **6 tháng:** đối với các Tổ chức có tổng số từ 3 địa điểm trở lên hoặc có số nhân viên lớn hơn 500 hoặc công nghệ sản xuất phức tạp, sản phẩm thực phẩm có nguy cơ mất an toàn cao. Khi đó, số công của mỗi cuộc giám sát sẽ bằng 1/2 số công giám sát của 12 tháng;
- **9 tháng:** đối với các Tổ chức có ít hơn 03 địa điểm hoặc có số nhân viên lớn hơn 100 nhưng nhỏ hơn 500 hoặc công nghệ sản xuất tương đối phức tạp, sản phẩm nguy cơ thấp. Khi đó, số công của mỗi cuộc giám sát sẽ bằng 2/3 số công giám sát của 12 tháng;
- **01 năm:** đối với các Tổ chức có số nhân viên ít hơn 100 hoặc công nghệ sản xuất đơn giản. Khi đó, số công của mỗi cuộc giám sát sẽ bằng số công giám sát của 12 tháng.

5.2 Phí đánh giá chứng nhận, ngày công đánh giá Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm (ISO 22000/HACCP)

5.2.1 Phí đánh giá, chứng nhận


Công thức tính $P = A \times M + B + C + D + E$

Trong đó:

- P : Là phí đánh giá chứng nhận
- A : Là số ngày công đánh giá
- M : Là đơn giá ngày công
- B : Là phí cấp chứng nhận
- C : Là chi phí thuê xe đi lại và chi phí lưu trú, tính theo giá thực tế tại thời điểm đánh giá
- D : Là phí tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký
- E : Là phí quản lý 1 chu kỳ chứng nhận

5.2.2. Xác định thời gian đánh giá chứng nhận hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm theo hướng dẫn phụ lục B, ISO/TS 22003 như sau: Thời gian đánh giá tối thiểu cho một địa điểm (T_s)

- $T_s = (T_D + T_H + T_{MS} + T_{FTE})$, trong đó:
- + T_D : Thời gian đánh giá tại chỗ của cơ sở, bằng ngày;
- + T_H : Số ngày đánh giá đối với các nghiên cứu HACCP bổ sung;
- + T_{MS} : Số ngày công đánh giá không có hệ thống quản lý liên quan;
- + T_{FTE} : Số ngày đánh giá trên số người lao động.
- ❖ **Thời gian đánh giá tối thiểu đối với mỗi địa điểm bổ sung (T_m)**
- $T_m = T_s \times 50/100$

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 10/15

❖ **Thời gian đánh giá giám sát tối thiểu (T_g)**

- $T_g = 1/3 \times T_s$
- Điều kiện tối thiểu: tối thiểu 1 ngày đánh giá (0,5 ngày đánh giá cho Loại hình A và B)

❖ **Thời gian đánh giá chứng nhận lại tối thiểu (T_t)**

- $T_t = 2/3 \times T_s$
- Điều kiện tối thiểu: tối thiểu 1 ngày đánh giá (0,5 ngày đánh giá đối với các Loại hình A và B).

5.2.3 Nội dung T_D , T_H , T_{MS} , T_{FTE} , địa điểm bổ sung đã kiểm soát đối với từng loại hình được xem xét cụ thể cho các cuộc đánh giá của bên thứ ba được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục B, bảng B.1, ISO/TS 22003, cụ thể như sau:

Bảng B.1: Thời gian đánh giá chứng nhận ban đầu tối thiểu

Loại hình	T_D Thời gian đánh giá tại chỗ cơ sở (Tính bằng ngày đánh giá)	T_H Đối với từng nghiên cứu HACCP bổ sung (Tính bằng ngày đánh giá)	T_{MS} Không có hệ thống quản lý liên quan được chứng nhận (Tính bằng ngày đánh giá)	T_{FTE} Số người lao động (Tính bằng ngày đánh giá)	Đối với từng địa điểm bổ sung đã kiểm soát
A	0.75	0.25	0.25	$1 \div 19 = 0$ $20 \div 49 = 0.5$ $50 \div 79 = 1.0$ $80 \div 199 = 1.5$ $200 \div 499 = 2.0$ $500 \div 899 = 2.5$ $900 \div 1299 = 3.0$ $1300 \div 1699 = 3.5$ $1700 \div 2999 = 4.0$ $3000 \div 5000 = 4.5$ $>5000=5.0$	50% thời gian đánh giá tại chỗ tối thiểu
B	0.75	0.25			
C	1.50	0.50			
D	1.50	0.50			
E	1.00	0.50			
F	1.00	0.50			
G	1.00	0.25			
H	1.00	0.25			
I	1.00	0.25			
J	1.00	0.25			
K	1.50	0.50			

Mã ngành thực phẩm tương ứng được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục A, Bảng A.1, ISO/TS 22003, cụ thể như sau:

Bảng A.1: Loại hình Chuỗi thực phẩm

Nhóm ngành	Ngành		Chuyên ngành		Ví dụ về hoạt động bao gồm
Chăn nuôi, trồng trọt	A	Chăn nuôi	AI	Chăn nuôi lấy thịt/ sữa/ trứng/ mật	<ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi (trừ cá và thủy sản), lưu giữ, bày, sẵn bán, giết mổ được sử dụng để sản xuất thịt, trứng, sữa hoặc mật ong. - Gắn liền đóng gói và bảo quản tại trang trại (không bao gồm sơ chế và chế biến).




QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH
NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Mã số: QĐTP-HT

Ngày: 05/05/2020

Trang: 11/15

			All	Nuôi trồng thủy, hải sản	- Nuôi trồng, đánh bắt, câu, giết mổ dùng cho sản xuất thịt. - Gắn liền đóng gói và bảo quản tại trang trại (không bao gồm sơ chế và chế biến).
	B	Trồng trọt	BI	Trồng các loại cây (trừ ngũ cốc)	- Trồng hoặc thu hoạch các sản phẩm từ thực vật (trừ ngũ cốc và đậu): sản phẩm trồng trọt (hoa quả, rau, gia vị, nấm, vv). - Gắn liền đóng gói và bảo quản tại trang trại (không bao gồm sơ chế và chế biến).
			BII	Trồng các loại cây ngũ cốc	Trồng hoặc thu hoạch ngũ cốc và đậu cho thực phẩm đóng gói lưu trữ và bảo quản tại trang trại (không bao gồm sơ chế và chế biến).
Chế biến thực phẩm và thức ăn chăn nuôi	C	Chế biến thực phẩm	CI	Chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật mau hỏng ở nhiệt độ thường	Sản xuất các sản phẩm động vật bao gồm thủy sản, thịt, trứng, sữa và sản phẩm của thủy sản.
			CII	Chế biến thực phẩm có nguồn gốc thực vật mau hỏng ở nhiệt độ thường	Sản xuất các sản phẩm thực vật bao gồm trái cây và nước trái cây tươi, rau quả, ngũ cốc, các loại hạt, và các loại đậu.
			CIII	Chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật và thực vật (sản phẩm hỗn hợp) mau hỏng ở nhiệt độ thường.	Sản xuất các sản phẩm động vật và thực vật hỗn hợp bao gồm pizza, lasagne, sandwich, bánh bao, suất ăn liền chuẩn bị sẵn.
			CIV	Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường	Sản xuất các sản phẩm thực phẩm từ bất kỳ nguồn nào đó được lưu trữ và bán ra ở nhiệt độ thường bao gồm cả các loại thực phẩm đóng hộp, bánh quy, bánh snack, dầu, nước uống, đồ uống, mì, bột mì, đường, muối
D	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	DI	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Sản xuất thức ăn từ nguồn nguyên liệu đơn hoặc hỗn hợp dùng cho động vật sản xuất thực phẩm	
		DII	Sản xuất thức ăn cho sinh vật cảnh	Sản xuất thức ăn từ nguồn nguyên liệu đơn hoặc hỗn hợp dùng cho vật nuôi	
Phục vụ ăn uống	E	Phục vụ ăn uống		Chuẩn bị, lưu trữ, cung cấp các thực phẩm tiêu dùng tại nơi trụ sở hoặc chi nhánh.	
Bán lẻ, vận chuyển và lưu kho	F	Phân phối	FI	Bán lẻ/ Bán buôn	Cung cấp các sản phẩm thực phẩm bao gói sẵn trực tiếp cho khách hàng (cửa hàng bán lẻ, quầy hàng, nhà bán sỉ).
			FII	Môi giới/ Kinh doanh thực phẩm	Mua và bán các sản phẩm thực phẩm thương mại trực tiếp hoặc thông qua bên thứ ba.
	G	Cung cấp dịch vụ vận	GI	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và lưu kho cho thực phẩm	Kho bãi và phương tiện phân phối cho việc lưu trữ và vận chuyển thực phẩm và thức ăn động vật mau hỏng.

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 12/15

		chuyển và lưu kho		và thức ăn chăn nuôi mau hỏng ở nhiệt độ thường	
			GII	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và lưu kho cho thực phẩm và thức ăn chăn nuôi giữ được lâu ở nhiệt độ thường	Kho bãi và phương tiện phân phối cho việc lưu trữ và vận chuyển cho thực phẩm và thức ăn động vật bảo quản lâu ở nhiệt độ thường.
Dịch vụ phụ trợ	H	Dịch vụ			Cung cấp các dịch vụ liên quan đến sản xuất thực phẩm an toàn, bao gồm cung cấp nước, kiểm soát sâu bệnh, dịch vụ dọn dẹp, thiêu hủy rác thải.
	I	Sản xuất bao gói thực phẩm và nguyên liệu bao gói			Sản xuất nguyên liệu bao gói thực phẩm.
	J	Sản xuất thiết bị			Sản xuất và phát triển các thiết bị chế biến thực phẩm và máy bán hàng tự động.
Sinh hóa	K	Sản xuất sản phẩm sinh hóa			Sản xuất chất phụ gia thực phẩm và thức ăn, vitamin, chất khoáng, nuôi cấy sinh học, hương liệu, hỗ trợ chế biến Thuốc BVTV, thuốc, phân bón, chất tẩy rửa

5.2.4 Xác định thời gian đánh giá chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của cơ sở có nhiều địa điểm:

Khi xác định thời gian đánh giá, ngoài những vấn đề đã nêu trên VSCB cần xem xét các khía cạnh sau đây:

- Các yêu cầu của tiêu chuẩn về FSMS liên quan;
- Quy mô và mức độ phức tạp của tổ chức;
- Thực trạng công nghệ và quy trình;
- Các nguồn bên ngoài của hoạt động bất kỳ thuộc phạm vi của FSMS;
- Kết quả của các lần đánh giá trước;
- Số lượng địa điểm và việc xem xét nhiều địa điểm.

Sau khi xác định số địa điểm đánh giá, thời gian đánh giá được tính bằng tổng số ngày công đánh giá của tất cả các địa điểm đã được xác định. Phương pháp, cách thực xác định địa điểm đánh giá được quy định tại “Quy định lấy mẫu và đánh giá tổ chức có nhiều địa điểm – QĐLM-HT”

Tài liệu viện dẫn “QUY ĐỊNH LẤY MẪU & ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC CÓ NHIỀU ĐỊA ĐIỂM (QĐLM-HT)”

5.3 Phí đánh giá chứng nhận, ngày công đánh giá đối với Hệ thống Quản lý tích hợp ISO 9001 (QMS) và ISO 22000/HACCP (FSMS)

5.3.1 Phí đánh giá, chứng nhận

Công thức tính $P = A \times M + B + C + D + E$

Trong đó:

- P : Là phí đánh giá chứng nhận
- A : Là số ngày công đánh giá



**QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH
NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ**

Mã số: QĐTP-HT

Ngày: 05/05/2020

Trang: 13/15

- M : Là đơn giá ngày công
- B : Là phí cấp chứng nhận
- C : Là chi phí thuê xe đi lại và chi phí lưu trú, tính theo giá thực tế tại thời điểm đánh giá
- D : Là phí tiếp nhận, xem xét hồ sơ đăng ký
- E : Là phí quản lý 1 chu kỳ chứng nhận

5.3.2. Xác định thời gian đánh giá

Để xác định thời gian đánh giá của một cuộc đánh giá hệ thống quản lý tích hợp gồm hai tiêu chuẩn nêu trên, Chuyên gia đánh giá được phân công của VSCB xem xét tính ngày công đánh giá theo hướng dẫn tài liệu áp dụng IAF MD 11:2013, cụ thể như sau:

a) Tính toán thời gian đánh giá cần thiết cụ thể cho từng hệ thống quản lý QMS (TQMS) và FSMS (TFSMS) theo quy định tại mục 5.1 và mục 5.2.

b) Tính thời gian đánh giá hệ thống quản lý tích hợp (IMS) (T) bằng cách cộng tổng thời gian đánh giá các hệ thống riêng lẻ ($T = TQMS + TFSMS$).

- Thời gian đánh giá IMS có thể giảm dựa trên mức độ của việc tích hợp hệ thống quản lý của tổ chức và mức độ đáp ứng của các thành viên đánh giá đối với chuẩn mực đánh giá. Thời gian này có thể điều chỉnh dựa trên cơ sở xác nhận mức độ tích hợp ở đánh giá giai đoạn 1 và các bước đánh giá tiếp theo.

c) Đánh giá hệ thống quản lý tích hợp có thể giảm, nhưng không vượt quá 20% so với điểm bắt đầu T (điểm bắt đầu là thời điểm chưa tích hợp hệ thống).

d) Hướng dẫn cách tính giảm thời gian đánh giá: phụ thuộc vào mức độ tích hợp các hệ thống quản lý (%) của cơ sở và khả năng thực hiện đánh giá tích hợp của chuyên gia đánh giá, cụ thể theo bảng hướng dẫn sau:

Bảng 2: Xác định giảm thời gian đánh giá đối với hệ thống tích hợp

Mức độ tích hợp HTQL %	100	0	5	10	15	20
	80	0	5	10	15	15
	60	0	5	10	10	10
	40	0	5	5	5	5
	20	0	0	0	0	0
0	20	40	60	80	100	
Khả năng thực hiện đánh giá tích hợp %						

Ghi chú:

- **Hàng dọc:** phần trăm (%) mức độ tích hợp của hệ thống quản lý mà tổ chức được đánh giá sử dụng để quản lý nhiều khía cạnh hoạt động của tổ chức. Đối chiếu mức độ tích hợp theo quy định tại bảng 3:

Bảng 3: Xác định mức độ tích hợp



**QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ
CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH
NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ**

Mã số: QĐTP-HT

Ngày: 05/05/2020

Trang: 14/15

Thứ tự	Nội dung tích hợp	Mức độ tích hợp (%)
1	Tích hợp về sổ tay, chính sách, mục tiêu	20
2	Tích hợp về trách nhiệm lãnh đạo: Trách nhiệm quyền hạn, cam kết lãnh đạo	12
3	Tích hợp về xem xét lãnh đạo	6
4	Tích hợp về kiểm soát tài liệu	12
5	Tích hợp về kiểm soát hồ sơ	12
6	Tích hợp về hành động khắc phục, phòng ngừa	10
7	Tích hợp về giải quyết phàn nàn, khiếu nại	8
8	Tích hợp về đánh giá nội bộ	10
9	Tích hợp về tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân sự	10

Cách tính mức độ tích hợp theo công thức sau:

$$A = A_1 + A_2 + \dots + A_n$$

A là mức độ tích hợp của toàn bộ hệ thống được áp dụng

A₁, A₂, ..., A_n là mức độ tích hợp của từng nội dung nêu tại Bảng 3

- Hàng ngang: phần trăm (%) mức độ mà các thành viên đoàn đánh giá có đủ điều kiện:

$$\frac{100 ((X_1-1) + (X_2-1) + \dots + (X_n-1))}{Z(Y-1)}$$

Trong đó:

X₁, X₂... X_n là số các tiêu chuẩn mà một Chuyên gia đánh giá có đủ điều kiện có liên quan cho phạm vi của đánh giá tích hợp.

Y là số lượng các tiêu chuẩn hệ thống quản lý được tích hợp.

Z là số lượng đánh giá viên.

Ví dụ:


Một đoàn đánh giá tích hợp gồm 2 đánh giá viên đánh giá 2 tiêu chuẩn quản lý (QMS và FSMS). Một đánh giá viên có đủ điều kiện cho 2 tiêu chuẩn, một đánh giá viên có đủ điều kiện cho 1 tiêu chuẩn.

Con số tỉ lệ phần trăm được sử dụng trong hàng ngang là:

$$\frac{100((2-1)+(1-1))}{2(2-1)} = 50\%$$

6. Nguyên tắc làm tròn ngày công đánh giá

Sau khi cộng thời gian đánh giá tất cả các lĩnh vực chứng nhận cho cơ sở tại một cuộc đánh giá, nếu số ngày công đánh giá là một số lẻ có phần thập phân nhỏ hơn nửa ngày công thì làm tròn phần thập phân đó thành ½ ngày công đánh giá, nếu số ngày công đánh giá là một số lẻ có phần thập phân lớn hơn nửa ngày và nhỏ hơn một ngày công thì làm tròn phần thập phân đó thành 1 ngày công đánh giá.

	QUY ĐỊNH TÍNH PHÍ ĐÁNH GIÁ CẤP CHỨNG NHẬN VÀ XÁC ĐỊNH NGÀY CÔNG ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG QUẢN LÝ	Mã số: QĐTP-HT
		Ngày: 05/05/2020
		Trang: 15/15

7. Nguyên tắc xác định địa điểm đánh giá:

7.1 Tổ chức có 01 địa điểm:

Việc đánh giá được tiến hành tại địa điểm đã được đăng ký đánh giá

7.2 Tổ chức có nhiều địa điểm có chung lĩnh vực chứng nhận cần đánh giá

Tài liệu viện dẫn “QUY ĐỊNH LẤY MẪU & ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC CÓ NHIỀU ĐỊA ĐIỂM (QĐLM-HT)”

7.3 Tổ chức có nhiều địa điểm với lĩnh vực chứng nhận khác nhau

Mọi địa điểm đều phải được đánh giá.

Tài liệu viện dẫn “QUY ĐỊNH LẤY MẪU & ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC CÓ NHIỀU ĐỊA ĐIỂM (QĐLM-HT)”